PHỤ LỤC 6

SỐ TIẾT VÀ SỐ ĐIỂM KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ THƯỜNG XUYÊN (ĐĐGtx) VÀ ĐIỂM KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ ĐỊNH KỲ (ĐĐGgk, ĐĐGck) CÁC MÔN HỌC/HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC CẤP THCS- NĂM HỌC 2023 - 2024

(Theo qui định của Bộ GDĐT)

1. Lớp 6 (Thực hiện theo Thông tư 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021)

Stt	Môn học	Tổng số tiết/năm	Số điểm kiểm tra, đánh giá thường xuyên và định kỳ trong mỗi học kỳ			Hình thức đánh giá
			Số ĐĐGtx	Số ĐĐGgk	ĐĐGck	
1	Ngữ Văn	140	4	1	1	Điểm số
2	Toán	140	4	1	1	Điểm số
3	Tiếng Anh	105	4	1	1	Điểm số
4	Lịch sử và Địa lí	105	4	1	1	Điểm số
5	Khoa học tự nhiên	140	4	1	1	Điểm số
6	Công nghệ	35	2	1	1	Điểm số
7	Tin học	35	2	1	1	Điểm số
8	Giáo dục công dân	35	2	1	1	Điểm số
9	Giáo dục thể chất	70	2	1	1	Nhận xét
10	Nghệ thuật (Mĩ thuật, Âm nhạc)	70	2 (1 điểm Mĩ thuật, 1 điểm Âm nhạc)	1	1	Nhận xét
11	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp	105	2	1	1	Nhận xét
12	Nội dung giáo dục của địa phương	35	2	1	1	Nhận xét

2. Lớp 7 (thực hiện theo thông tư 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021)

Stt	Môn học	Tổng số tiết/năm	Số điểm kiểm tra, đánh giá thường xuyên và định kỳ trong mỗi học kỳ			Hình thức đánh giá
			Số ĐĐGtx	Số ĐĐGgk	ĐĐGck	
1	Ngữ văn	140	4	1	1	Điểm số
2	Toán	140	4	1	1	Điểm số
3	Tiếng Anh	105	4	1	1	Điểm số
4	Lịch sử và Địa lí	105	4	1	1	Điểm số
5	Khoa học tự nhiên	140	4	1	1	Điểm số
6	Công nghệ	35	2	1	1	Điểm số
7	Tin học	35	2	1	1	Điểm số
8	Giáo dục công dân	35	2	1	1	Điểm số
9	Giáo dục thể chất	70	2	1	1	Nhận xét
10	Nghệ thuật (Mĩ thuật, Âm nhạc)	70	2 (1 điểm Mĩ thuật, 1 điểm Âm nhạc)	1	1	Nhận xét
11	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp	105	2	1	1	Nhận xét
12	Nội dung giáo dục của địa phương	35	2	1	1	Nhận xét

3. Lớp 8 (thực hiện theo thông tư 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021)

Stt	Môn học	Tổng số tiết/năm	Số điểm kiểm tra, đánh giá thường xuyên và định kỳ trong mỗi học kỳ			Hình thức đánh giá
			Số ĐĐGtx	Số ĐĐGgk	ĐĐGck	
1	Ngữ Văn	140	4	1	1	Điểm số
2	Toán	140	4	1	1	Điểm số
3	Tiếng Anh	105	4	1	1	Điểm số
4	Lịch sử và Địa lí	105	4	1	1	Điểm số
5	Khoa học tự nhiên	140	4	1	1	Điểm số
6	Công nghệ	52	3	1	1	Điểm số
7	Tin học	35	2	1	1	Điểm số
8	Giáo dục công dân	35	2	1	1	Điểm số
9	Giáo dục thể chất	70	2	1	1	Nhận xét
10	Nghệ thuật (Mĩ thuật, Âm nhạc)	70	2 (1 điểm Mĩ thuật, 1 điểm Âm nhạc)	1	1	Nhận xét
11	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp	105	2	1	1	Nhận xét
12	Nội dung giáo dục của địa phương	35	2	1	1	Nhận xét

4. Lớp 9 (Thực hiện theo Thông tư 26/2020/TT-BGDĐT ngày 26/8/2020)

Lưu ý: Nếu môn học nào có học chủ đề tự chọn thì căn cứ vào số tiết tự chọn và số tiết/năm của môn học đó để tính số điểm KTĐGtx đảm bảo theo quy định.

Stt	Môn học	Tổng số tiết/năm	Số điểm kiểm tra, đánh giá thường xuyên và định kỳ trong mỗi học kỳ			Hình thức đánh giá
			Số ĐĐGtx	Số ĐĐGgk	ĐĐGck	
1	Toán	140	4	1	1	Điểm số
2	Vật lí	70	3	1	1	Điểm số
3	Hóa học	70	3	1	1	Điểm số
4	Sinh học	70	3	1	1	Điểm số
5	Công nghệ	35	2	1	1	Điểm số
6	Ngữ văn	175	4	1	1	Điểm số
7	Lịch sử	52	3	1	1	Điểm số
8	Địa lí	53	3	1	1	Điểm số
9	Tiếng Anh (Chương trình 10 năm)	105	4	1	1	Điểm số
10	GDCD	35	2	1	1	Điểm số
11	Thể dục	70	3	1	1	Nhận xét
12	Mĩ thuật	18	2	1	1	Nhận xét
13	Âm nhạc	17	2	1	1	Nhận xét